

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: **2392/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đắk Nông, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2925/TTr-SLĐTBXH ngày 17 tháng 12 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:



1. Phạm vi điều chỉnh: Trên địa bàn toàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cư trú trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 (theo chuẩn nghèo mới) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt công nhận, phải dừng hoạt động kinh doanh sản xuất.

b) Người bán quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ cư trú trên địa bàn tỉnh Đắk Nông phải dừng hoạt động kinh doanh sản xuất không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn 1.500.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn, 2.000.000 đồng/người/tháng đối với khu vực thành thị (*Thời gian để tính mức thu nhập: Trong tháng bị dừng hoạt động, tính trong vòng 30 ngày kể từ ngày đầu tiên bị dừng hoạt động kinh doanh sản xuất*) và làm một trong các công việc sau:

- Người bán quà vặt là người bán quà bánh, đồ ăn, nước uống (hàng nước) có địa điểm cố định;

- Người buôn chuyến là người mua hàng hóa từ nơi khác về theo từng chuyến để bán cho người mua buôn hoặc người bán lẻ;

- Người kinh doanh lưu động là người kinh doanh, mua bán không có địa điểm cố định;

- Người kinh doanh thời vụ là người kinh doanh, buôn bán theo thời vụ;

- Người làm dịch vụ có hoặc không có địa điểm cố định: Đánh giày; may (sửa, gia công) quần áo; chữa khóa; sửa đồng hồ; trông giữ xe; rửa xe; vẽ tranh; chụp ảnh.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

- Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc do có địa điểm kinh doanh sản xuất trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc phải áp dụng biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động theo Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, không trùng lặp chính sách; công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách; trong cùng một hộ có nhiều người tham gia hoạt động kinh doanh sản xuất thì chỉ được hỗ trợ theo hộ.

4. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần với mức 3.000.000 đồng/hộ hoặc người.

5. Không áp dụng đối với những trường hợp (đối tượng) đã được quy định tại Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (viết tắt là Quyết định số 1261/QĐ-UBND).

Trường hợp người trong hộ đã được hưởng hoặc đã được phê duyệt danh sách hỗ trợ theo Quyết định số 1261/QĐ-UBND thì hộ đó không được hưởng chính sách theo Quyết định này.

## 6. Trình tự, thủ tục thực hiện

### a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát và lập danh sách hộ đủ điều kiện hưởng hỗ trợ trước ngày 31 tháng 01 năm 2022 (theo mẫu số 03 kèm theo Quyết định này) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện).

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh (theo mẫu số 04 và mẫu số 05 kèm theo Quyết định này) đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để rà soát, thẩm tra.

- Trong 02 ngày làm việc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ.

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: Gửi thủ tục đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 31 tháng 01 năm 2022 (theo mẫu số 01 và mẫu số 02 kèm theo Quyết định này).

- Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát và lập danh sách người đủ điều kiện hưởng hỗ trợ (theo mẫu số 03); gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã trong tỉnh nơi người lao động thường trú hoặc tạm trú; niêm yết công khai danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trong 02 ngày làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và hội trường tổ dân phố (thôn), nhà sinh hoạt cộng đồng buôn, bon, bản nơi người lao động thường trú để có sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư; tổng hợp danh sách người đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh (theo mẫu số 04 và mẫu số 05 kèm theo Quyết định này) đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để rà soát, thẩm tra.

- Trong 02 ngày làm việc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ.

7. Đơn vị chi trả: Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc.

## **Điều 2. Nguồn kinh phí và nhiệm vụ thực hiện**

### 1. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách Trung ương: Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Mục I Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.


- Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động khác (nếu có).

2. Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc bảo đảm kinh phí để thực hiện và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo đúng quy định.

3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

4. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức rà soát kỹ các đối tượng bị ảnh hưởng do tác động của dịch bệnh COVID-19, làm rõ các tiêu chí hỗ trợ cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Thường trực các Huyện, Thành ủy (p/h chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, các Phòng CM, KGVX (Hp).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



  
**Hồ Văn Mười**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: *2392* /QĐ-UBND  
ngày *31* tháng *12* năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Mẫu số 01	Đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 02	Giấy cam kết
Mẫu số 03	Danh sách hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; người bán quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh phải dừng hoạt động hưởng chính sách hỗ trợ (do xã/phường/thị trấn thẩm định phê duyệt)
Mẫu số 04	Danh sách hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; người bán quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh phải dừng hoạt động hưởng chính sách hỗ trợ (do huyện/thành phố thẩm định phê duyệt)
Mẫu số 05	Tổng hợp Danh sách hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; người bán quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh phải dừng hoạt động hưởng chính sách hỗ trợ và số tiền hỗ trợ



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Dành cho người bán quà vật, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định 33/2021/QĐ-TTg)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn).....

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI KINH DOANH SẢN XUẤT**

1. Họ và tên người kinh doanh sản xuất: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....; Giới tính: .....
3. CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....  
Ngày cấp: ...../...../. Nơi cấp:.....
4. Nơi ở hiện tại: .....
- Nơi thường trú:.....
- Nơi tạm trú:.....
- Điện thoại liên hệ: .....

**II. THÔNG TIN VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH SẢN XUẤT**

1. Địa điểm kinh doanh sản xuất (thôn, xã, huyện): .....
- .....

2. Ngành nghề kinh doanh sản xuất chính:

- Người bán quà vật.
- Người buôn chuyển.
- Người kinh doanh lưu động.
- Người kinh doanh thời vụ.
- Người làm dịch vụ.

3. Mức thu nhập của người kinh doanh sản xuất trong tháng bị dừng hoạt động (tính trong vòng 30 ngày kể từ ngày đầu tiên bị dừng hoạt động kinh doanh sản xuất):

.....đồng/người/tháng

Kể từ ngày / /202 đến ngày / /202 , người kinh doanh sản xuất phải dừng hoạt động kinh doanh sản xuất do:

- Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

Có địa điểm kinh doanh sản xuất trên địa bàn thực hiện phòng, chống dịch theo nguyên tắc Chỉ thị 16/CT-TTg hoặc phải áp dụng biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP.

Đề nghị UBND xã, phường, thị trấn ..... xem xét, giải quyết hỗ trợ cho tôi theo đúng quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

Tài khoản (Tên tài khoản, số tài khoản, tại Ngân hàng):.....

.....

Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)

Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....ngày .... tháng .... Năm.....

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

***Ghi chú:***

1. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính là ngành nghề chiếm nhiều thời gian nhất.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CAM KẾT**

*(Dành cho người bán quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định 33/2021/QĐ-TTg)*

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn (1): .....

1. Họ và tên người kinh doanh sản xuất: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....; Giới tính: .....
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....  
Ngày cấp: ...../...../. Nơi cấp:.....
4. Nơi thường trú/tạm trú: .....
- Điện thoại liên hệ: .....

Ngày ..... tháng .... năm 202..., tôi có làm đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ đối với người bán quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định 33/2021/QĐ-TTg tại UBND xã, phường, thị trấn (1).....

Tôi cam kết ngoài đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tại UBND xã, phường, thị trấn (1)..... tôi chưa/không làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại UBND xã, phường, thị trấn khác. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

..... ngày .... tháng .... năm .....

**NGƯỜI CAM KẾT**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1)UBND xã/phường/thị trấn nơi đăng ký hưởng chế độ.*



Tỉnh.....  
 Huyện.....  
 Xã.....

**DANH SÁCH HỘ KINH DOANH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP; NGƯỜI BÁN QUÀ VẬT,  
 BUỒN CHUYÊN, KINH DOANH LƯU ĐỘNG, KINH DOANH THỜI VỤ, LÀM DỊCH VỤ CÓ THU NHẬP THẤP  
 KHÔNG PHẢI ĐĂNG KÝ KINH DOANH, PHẢI DỪNG HOẠT ĐỘNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**  
*(Dùng cho UBND cấp xã lập, tham định phê duyệt)*

T	Họ và tên (Chủ hộ hoặc người)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMND/ CCCD	Địa chỉ	Tên công việc làm	Lý do phải dừng hoạt động KDSX	Thời gian phải dừng hoạt động KDSX			Số tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Số văn bản/ cơ quan QĐ tạm dừng hoạt động)
							Từ ngày/ tháng	Đến ngày/ tháng	Tổng số ngày		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1											
2											
3											
...											
	<b>Tổng cộng</b>						-	-	-	-	-

**NGƯỜI LẬP**

*(ký, ghi rõ họ và tên)*

..... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...**  
*(Ký, đóng dấu)*





Tỉnh.....  
Huyện.....

**DANH SÁCH HỘ KINH DOANH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP; NGƯỜI BÁN QUÀ VẬT,  
BUÔN CHUYÊN, KINH DOANH LƯU ĐỘNG, KINH DOANH THỜI VỤ, LÀM DỊCH VỤ CÓ THU NHẬP THẤP  
KHÔNG PHẢI ĐĂNG KÝ KINH DOANH, PHẢI DỪNG HOẠT ĐỘNG HUỖNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

TT	Tên Xã/phường/thị trấn...	Tổng số Hộ, người được hỗ trợ (ĐVT: Hộ, người)	Số tiền (ĐVT: Đồng/hộ, người)	Tổng số tiền	Ghi chú
	<b>TỔNG</b>				

**NGƯỜI LẬP**  
(ký, ghi rõ họ và tên)

.... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND HUYỆN/TP...**  
(Ký, đóng dấu)



UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
SỞ LAO ĐỘNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
Số: 2925 /TTr-SLĐTBXH

Ký bởi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội  
Email: slđtbxh@daknong.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông  
Thời gian ký: 17/12/2021 11:12:09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 17 tháng 12 năm 2021

## TỜ TRÌNH

**Ban hành Quyết định về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (lần 2)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (viết tắt là Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg); Ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 6502/UBND-KGVX ngày 09/11/2021 về việc tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 6867/UBND-KGVX ngày 24/11/2021 về việc thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 7156/UBND-KGVX ngày 08/12/2021 về việc kiểm tra, rà soát việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động.

Sau khi thực hiện rà soát, nắm tình hình người lao động, hộ kinh doanh sản xuất bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Quyết định "*Về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*", cụ thể như sau:

### **1. Sự cần thiết ban hành Quyết định**

Đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đã và đang lan rộng bùng phát trong tỉnh và tác động đến nhiều mặt trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội; đời sống người dân gặp nhiều khó khăn; nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng làm gia tăng thất nghiệp, mất việc làm trong ngắn hạn đối với người lao động cả khu vực có giao kết hợp đồng lao động và lao động tự do.

Nhằm tập trung hỗ trợ cho người lao động, hộ kinh doanh sản xuất gặp khó khăn do dịch COVID-19, góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và an

bệnh là hết sức quan trọng. Theo kết quả rà soát, thống kê của các huyện, thành phố, toàn tỉnh có khoảng 11.652 hộ hoặc người thuộc các đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg (trong đó có số dự kiến 2.000 người của huyện Đăk Mil do có 5 xã chưa tổng hợp kịp số liệu rà soát bị ảnh hưởng cần được hỗ trợ) (*kèm theo biểu rà soát*).

Theo đó, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội căn cứ vào tình hình diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 nên dự kiến đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg là **12.000 hộ hoặc người**.

Vi những lý do nêu trên, việc ban hành Quyết định “*Về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đăk Nông*” trong thời điểm hiện tại là hết sức cần thiết.

## **2. Căn cứ áp dụng, trình tự, thủ tục rút gọn trong ban hành Quyết định**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

- Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

- Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

- Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm quy phạm hóa việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh sản xuất trong một số lĩnh

Quyết định được ban hành dựa trên các quan điểm sau đây:

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về việc vừa thực hiện phòng, chống đại dịch COVID-19 vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội.

- Bảo đảm các nguyên tắc, cụ thể hóa việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

- Nâng cao hiệu quả trong thực thi các chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg, hỗ trợ kịp thời, đầy đủ các đối tượng khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

#### **4. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

4.1. *Phạm vi điều chỉnh:* Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

4.2. *Đối tượng áp dụng:*

a) Hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cư trú trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 (theo chuẩn nghèo mới) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt công nhận, phải dừng hoạt động kinh doanh sản xuất.

b) Người bán quà vật, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ cư trú trên địa bàn tỉnh Đắk Nông phải dừng hoạt động kinh doanh sản xuất không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn 1.500.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn, 2.000.000 đồng/người/tháng đối với khu vực thành thị (*Thời gian để tính mức thu nhập: Trong tháng bị dừng hoạt động, tính trong vòng 30 ngày kể từ ngày đầu tiên bị dừng hoạt động kinh doanh sản xuất*) và làm một trong các công việc sau:

- Người bán quà vật là người bán quà bánh, đồ ăn, nước uống (hàng nước) có địa điểm cố định;

- Người buôn chuyển là người mua hàng hóa từ nơi khác về theo từng chuyến để bán cho người mua buôn hoặc người bán lẻ;

- Người kinh doanh lưu động là người kinh doanh, mua bán không có địa điểm cố định;

- Người kinh doanh thời vụ là người kinh doanh, buôn bán theo thời vụ;

- Người làm dịch vụ có hoặc không có địa điểm cố định: Đánh giày; may (sửa, gia công) quần áo; chữa khóa; sửa đồng hồ; trông giữ xe; rửa xe; vẽ tranh; chụp ảnh.

#### **5. Nội dung chính của Quyết định**

Dự thảo Quyết định gồm 3 điều với nội dung cơ bản như sau:

5.1. *Phạm vi điều chỉnh;*

5.2. *Đối tượng áp dụng;*

5.3. *Nguyên tắc hỗ trợ;*

### 7. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách Trung ương: Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Mục I Nghị quyết số Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.

- Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động khác.

### 8. Góp ý dự thảo Quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Ngày 19/11/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành công văn số 2663/SLĐT BXH-LĐVL&GDNN gửi các cơ quan liên quan đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, góp ý đề nghị gửi bằng văn bản về Sở trước ngày 25/11/2021 để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến thời điểm này, Sở Lao động - TB&XH đã tổng hợp được 17 ý kiến góp ý bằng văn bản của các đơn vị (kèm theo).

Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Quyết định.

### 9. Thời gian trình dự thảo Quyết định

Để đảm bảo vấn đề cấp thiết hiện nay là phải đưa Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg đi vào thực tiễn, khẩn trương, kịp thời chi trả cho hộ, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; Sở Lao động - TB&XH kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Dự thảo Quyết định đính kèm).

Trong quá trình triển khai thực hiện, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục cập nhật nội dung phát sinh (nếu có) để đề xuất chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Sở Lao động - TB&XH trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành để triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD (đ/c Nam);
- Lưu: VT, LĐVL&GDNN (Hg).

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Việt Nam**

**THÔNG BÁO**

**Ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy  
về chủ trương triển khai chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng  
theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg  
ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ**

Tại cuộc họp ngày 27/12/2021, Thường trực Tỉnh ủy đã xem xét Công văn số 319-CV/BCSD, ngày 27/12/2021 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về báo cáo, xin ý kiến việc triển khai chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg, ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến của các đồng chí dự họp, Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo như sau:

Thống nhất nội dung đề xuất của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về triển khai chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg, ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh rà soát đảm bảo đúng đối tượng, không để bỏ sót đối tượng, không để xảy ra tình trạng trục lợi chính sách,...; thực hiện việc hỗ trợ theo đúng quy định.

Thường trực Tỉnh ủy thông báo ý kiến chỉ đạo để Ban cán sự đảng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH, D).

**T/L BAN THƯỜNG VỤ  
CHÍNH VĂN PHÒNG**



**Vũ Tá Long**